

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2022/DS-ST
Ngày 29 – 4 – 2022
V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hoàng Khởi
Bà Trương Ánh Hoa

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thúy Kiều – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 87/2022/DS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa:

* **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Quốc B, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp B, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt).

Người Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Du Thị B là luật sư của văn phòng luật sư M thuộc đoàn luật sư tỉnh Cà Mau. (có mặt).

* **Bị đơn:** Bà Ngô Thùy C, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Ông Lê Phước P, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2022, tại bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc B trình bày: Ngày 05/11/2021 dương lịch ông có thỏa thuận cho vợ chồng bà C, ông P vay số tiền 130.000.000đ có làm biên nhận, có thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 3%/tháng. Tuy nhiên từ khi vay đến nay bà C ông P không thanh toán lãi. Nay ông yêu cầu bà C và ông P cùng có trách nhiệm trả cho ông số tiền vốn 130.000.000đ và lãi từ ngày 05/11/2021 đến nay 29/4/2022 là 05 tháng 24 ngày với mức lãi 1,66%/tháng, tiền lãi bằng 12.494.000đ. Tổng vốn và lãi là 142.494.000đ.

* Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn bà Ngô Thùy C trình bày: Bà và chồng bà là ông Lê Phước P có hỏi vay tiền của ông B nhiều lần, có đóng lãi. Đến ngày 01/10/2021 âm lịch vợ chồng bà còn nợ ông B 30.000.000đ và vay thêm 100.000.000đ nên làm biên nhận 130.000.000đ, từ ngày làm biên nhận đến nay ông bà chưa đóng lãi. Nay ông B yêu cầu bà và ông P cùng có trách nhiệm thanh toán nợ vốn 130.000.000đ lãi đến ngày 31/3/2022 là 10.430.000đ bà đồng ý.

Đối với ông P là chồng bà, đang đi làm ăn xa ở thành phố Hồ Chí Minh nên không về tham gia phiên tòa được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bà C và ông P trả cho nguyên đơn tiền vốn và lãi 142.494.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ông Nguyễn Quốc B yêu cầu bà Ngô Thùy C và ông Lê Phước P thanh toán khoản tiền vốn vay 130.000.000đ và tiền lãi phát sinh. Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định tại điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với bà Ngô Thùy C, ông Lê Phước P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự

[3] Ông B xác định vợ chồng bà C ông P có vay tiền ông đến nay còn nợ khoản vay 130.000.000đ tiền vốn và lãi tính đến ngày 29/4/2022 là 142.494.000đ, ông B yêu cầu cả hai vợ chồng cùng có trách nhiệm trả nợ cho ông. Bà C thừa nhận bà cùng chồng là ông Lê Phước P có vay của ông B nhiều lần, đã thanh toán một phần, đến nay còn nợ ông B 130.00.000đ và đây là nợ chung của vợ chồng nên cùng nhau ký tên vào biên nhận, lời trình bày của các đương sự phù hợp với biên nhận nợ.

Về khoản tiền lãi mặc dù không được thỏa thuận tại biên nhận, nhưng nguyên đơn và bà C đều thừa nhận khi vay có thỏa thuận lãi suất. Do đó có căn cứ xác định giao dịch vay giữ ông B với bà C ông P là vay có thỏa thuận lãi suất. Nguyên đơn yêu cầu tiền lãi 12.494.000đ tương ứng với thời gian 05 tháng 24 ngày, mức lãi suất áp dụng 1,66%/tháng phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của ông B.

[4] Về trách nhiệm thanh toán, xét thấy khoản nợ này do bà C và ông P cùng ký biên nhận vay, nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà C và ông P, nên yêu cầu của ông B buộc bà C, ông P cùng có trách nhiệm trả nợ là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bà C và ông P phải chịu theo quy định. Ông B không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 26, 147, 244, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc B: Buộc bà Ngô Thùy C và ông Lê Phước P phải trả cho ông Nguyễn Quốc B số tiền vốn và lãi tính đến ngày 29/4/2022 là 142.494.000đ (*Một trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm chín mươi bốn ngàn đồng*). Trong đó, tiền vốn là 130.000.000đ (*Một trăm ba mươi triệu đồng*), tiền lãi là 12.494.000đ (*Mười hai triệu bốn trăm chín mươi bốn ngàn đồng*).

Kể từ ngày ông Nguyễn Quốc B có đơn yêu cầu thi hành án, bà Ngô Thùy C và ông Lê Phước P không thanh toán xong khoản tiền vốn nêu trên thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 7.124.000đ (*Bảy triệu một trăm hai mươi bốn ngàn đồng*) bà Ngô Thùy C và ông Lê Phước P phải nộp (*chưa nộp*). Ông Nguyễn Quốc B không phải nộp án phí, ngày 10/3/2022 ông Nguyễn Quốc B đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 3.466.000đ (*Ba triệu bốn trăm sáu mươi sáu ngàn đồng*), theo biên lai số 0000999, tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP.Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thi Thu